**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ GPMB**

**Dự án: Đầu tư xây dựng điều chỉnh mở rộng Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng, thành phố Hải Dương**

*(Kèm theo Quyết định số 2013 /QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Chủ tịch phường Tân Hưng)*

| Stt | Họ và tên | Bồi thường đất | | | | | Bồi thường di chuyển mộ | | Tài sản, vật kiến trúc | Thưởng tiến độ | Chi phí di dời mộ và chi phí khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số tờ | Số thửa | Diện tích | Diện tích đất ở thu hồi | Kinh phí bồi thường đất | Số lượng | Chi phí đào, bố và xây mới đối với mộ cát táng, | | | | |
| **I** | **Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vương Nga Phi | - | - | - | - | - | 4 | | 33,165,000 | 1,658,000 | 26,000,000 | **60,823,000** |
| | **Cộng I** | - | - | - | - | - | **4** | - | **33,165,000** | **1,658,000** | **26,000,000** | **60,823,000** |
| **II** | **Bồi thường đối với các hộ gia đình sử dụng đất phi nông nghiệp** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Thiện | 24 | 58 | 100 | 3 | 90,000,000 | - | - | - | - | - | **90,000,000** |
| 2 | Võ Tấn Minh | 24 | 57 | 100 | 2 | 60,000,000 | - | - | | | - | **60,000,000** |
| 3 | Nghiêm Trọng Phươ | 29 | 15 | 100 | 8 | 240,000,000 | - | - | - | - | - | **240,000,000** |
| 4 | Lê Văn Dưỡng | 29 | 48 | 90 | 3 | 90,000,000 | - | - | 2,125,000 | 106,000 | - | **92,231,000** |
| | **Cộng II** | | | | | **480,000,000** | | | **2,125,000** | **106,000** | **0** | **482,231,000** |
| | **Tổng Cộng** | | | | | **480,000,000** | | - | **35,290,000** | **1,764,000** | **26,000,000** | **543,054,000** |

*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi tư ngàn đồng./.*

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HƯNG
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ GPMB**

**Dự án: Đầu tư xây dựng điều chỉnh mở rộng Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng, thành phố Hải Dương**

| Stt | Đại diện người có mộ di chuyển | Số lượng | Chi phí đào, bố và xây mới đối với mộ cát táng, | Tài sản, vật kiến trúc | Thưởng tiến độ | Chi phí di dời mộ và chi phí khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vương Văn Cánh | 3 | 16,500,000 | 94,657,000 | 4,733,000 | 19,500,000 | 135,390,000 |
| 2 | Vương Quốc Học | 1 | 5,500,000 | 17,142,000 | 857,000 | 13,000,000 | 36,499,000 |
| 3 | Vương Nga Phi | 4 | 22,000,000 | 5,376,000 | 269,000 | 26,000,000 | 53,645,000 |
| 4 | Vương Văn Liêm | 2 | 11,000,000 | 21,474,000 | 1,074,000 | 13,000,000 | 46,548,000 |
| 5 | Đinh Đức Bạn | 1 | | 16,213,000 | 811,000 | 6,500,000 | 23,524,000 |
| 6 | Nguyễn Văn Mở | 2 | 5,500,000 | 13,138,000 | 657,000 | 13,000,000 | 32,295,000 |
| 7 | Thiều Thị Nhung | 4 | 22,000,000 | 22,109,000 | 1,105,000 | 26,000,000 | 71,214,000 |
| 8 | Ngô Thị Cúc | 4 | 11,000,000 | 21,718,000 | 1,086,000 | 19,500,000 | 53,304,000 |
| 9 | Miếu thần linh (ông Đinh Văn Tín) | 1 | | 67,391,000 | 3,370,000 | | 70,761,000 |
| 10 | Vương Văn Hách | 1 | 5,500,000 | 1,601,000 | 80,000 | 6,500,000 | 13,681,000 |
| 11 | Vương Văn Hải | 1 | 5,500,000 | 1,726,000 | 86,000 | 6,500,000 | 13,812,000 |
| | **Cộng** | **24** | **104,500,000** | **282,545,000** | **14,128,000** | **149,500,000** | **550,673,000** |

**Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.**

Tp. Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2026

| NGƯỜI LẬP | NGƯỜI SOÁT | GIÁM ĐỐC |
| --- | --- | --- |